

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/DS-ST**

Ngày: 24 - 6 - 2025

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Việt Nguyên.

2. Ông Lê Minh Chiêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964.

2. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1960 (Ông T đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M, là vợ).

Đều trú tại: Thôn Bái Thủy, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: 1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn D 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1980.

3. Chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1982.

Đều ĐKKHTT: Thôn D 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn T 1, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà M; vắng mặt bà H, anh Đ và chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2024, bản tự khai ngày 14 tháng 01 năm 2025, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn

Thị M và cũng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Vợ chồng bà có mối quan hệ bạn bè làm ăn buôn bán với bà Phạm Thị H. Anh Lê Văn Đ là con trai của bà H, chị Trịnh Thị H1 là vợ anh Đ, con dâu của bà H. Bà H và vợ chồng anh Đ, chị H có nhu cầu vay tiền để kinh doanh mua bán lợn nên có hỏi vay tiền của gia đình bà. Ngày 03/02/2020 âm lịch (tức ngày 25/02/2020 dương lịch), vợ chồng bà cho bà H và vợ chồng anh Đ, chị H vay số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Chị H là người trực tiếp viết giấy vay tiền, bà H và chị H cùng ký vào giấy vay tiền, còn anh Đ là người đến sau nhận tiền vay. Vợ chồng bà đã giao đủ số tiền vay cho anh Đ là 320.000.000đ. Tuy nhiên, giấy vay tiền bà không yêu cầu anh Đ ký tên. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi xuất là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng. Về thời hạn vay, hai bên cũng thỏa thuận miệng khi nào vợ chồng bà cần tiền thì báo trước và mẹ con bà H sẽ trả.

Quá trình vay nợ, bà H đứng ra trả lãi cho bà, ba tháng đầu bà H trả lãi đầy đủ, mỗi tháng là 6.400.000đ. Từ tháng thứ 4 trở đi, bà H chỉ trả mỗi tháng 2.000.000đ tiền lãi, nhưng không đều đặn. Đến đầu năm 2023, vợ chồng bà cần tiền nên đòi nợ tiền gốc, nhưng mẹ con bà H không trả. Vợ chồng bà đòi nợ nhiều lần liên tục nhưng bà H và vợ chồng anh Đ, chị H không trả nợ gốc; bà H đã trả được tổng cộng số tiền lãi là 81.200.000đ. Vì vậy vợ chồng bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H, vợ chồng anh Đ, chị H phải trả nợ cho vợ chồng bà, cụ thể:

- Nợ gốc là 320.000.000đ;

- Về lãi xuất, khi vay hai bên thỏa thuận lãi xuất 2%/tháng, tuy nhiên xét thấy mức lãi này là cao hơn quy định của pháp luật nên vợ chồng bà M chỉ yêu cầu tính lãi là 1,5%/tháng. Thời gian tính lãi được tính từ ngày vay 25/02/2020 đến ngày khởi kiện 25/12/2024 (58 tháng) là: $320.000.000đ \times 1,5\%/1 \text{ tháng} \times 58 \text{ tháng} = 278.400.000đ$. Bà H đã trả được số tiền lãi là 81.200.000đ. Do vậy, số tiền lãi còn lại vợ chồng bà yêu cầu bà H, anh Đ, chị H phải trả là 197.200.000đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện 25/12/2024 là 517.200.000đ và tiền lãi kể từ ngày 26/12/2024 cho đến khi xét xử cũng như trả hết nợ với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Đ không ký vào giấy vay nợ, vợ chồng bà M không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc anh Đ có vay nợ của ông bà nên bà M đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà M đề nghị Tòa án cho bà được rút yêu cầu anh Lê Văn Đ phải trả nợ cho vợ chồng bà, vợ chồng bà M chỉ yêu cầu bà H và chị H là người ký vào giấy vay nợ phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho vợ chồng bà theo giấy vay nợ ngày 03/02/2020 âm lịch (tức ngày 25/02/2020) với tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 24/6/2025 là 545.840.000đ, trong đó: Nợ gốc là 320.000.000đ; nợ lãi (từ ngày 25/02/2020 đến ngày 24/6/2025 là 63 tháng 29 ngày): $320.000.000đ \times 1,5\%/1 \text{ tháng} \times 63 \text{ tháng} 29$

ngày = 307.040.000đ nhưng trừ đi số tiền lãi đã trả là 81.200.000đ nên tiền lãi còn lại là 225.840.000đ. Và tiền lãi kể từ sau phiên tòa xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ xong với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 01 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè làm ăn buôn bán nên bà có vay tiền của vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn T. Ngày 03/02/2020 âm lịch bà có vay vợ chồng bà M số tiền 320.000.000đ. Khi đến vay tiền, bà và con dâu chị Trịnh Thị H1 đến nhà bà M để vay tiền, chị H là người viết giấy vay và sau đó bà cùng con dâu chị Trịnh Thị H1 ký vào giấy vay tiền. Khi vay, lãi xuất chúng tôi thỏa thuận miệng với nhau là 02%/tháng, và hẹn khi nào nhà bà M cần tiền thì sẽ trả. Quá trình vay nợ, bà chưa tiền gốc, còn tiền lãi bà không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền, bao nhiêu tháng lãi vì bà không ghi sổ sách. Nay vợ chồng bà M yêu cầu bà và chị Trịnh Thị H1 phải liên đới trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày khởi kiện 25/12/2024 là 517.200.000đ, trong đó: Nợ gốc là 320.000.000đ; nợ lãi (từ ngày 25/02/2020 đến ngày 25/12/2024 là 58 tháng) là: $320.000.000đ \times 1,5\%/1 \text{ tháng} \times 58 \text{ tháng} = 278.400.000đ$ nhưng trừ đi số tiền lãi đã trả là 81.200.000đ nên tiền lãi còn lại là 197.200.000đ. Và tiền lãi kể từ sau ngày khởi kiện cho đến khi trả hết nợ xong với mức lãi suất 1,5%/tháng thì bà H đồng ý số tiền nợ. Tuy nhiên, về nghĩa vụ trả khoản vay của vợ chồng bà M thì bà là người vay và trực tiếp nhận tiền, anh Đ và chị H không được dùng tiền, chỉ chị H có ký vào giấy vay tiền với mục đích là làm chứng cho bà vay tiền của vợ chồng bà M, ông T. Do đó, bà sẽ có trách nhiệm đứng ra trả toàn bộ tiền cho vợ chồng bà M, khoản tiền vay này không liên quan đến anh Đ, chị H.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 4 năm 2025, bị đơn chị Trịnh Thị H1 trình bày:

Vào ngày 03/02/2020 (âm lịch) chị đi cùng với mẹ chồng là bà Phạm Thị H đến nhà vợ chồng bà Nguyễn Thị M để bà H vay mượn tiền của vợ chồng bà M, ông T với số tiền là 320.000.000đ. Chị có biết việc bà H vay tiền của vợ chồng bà M và bà M có đưa tiền cho bà H vay. Khi đó, bà M có bảo chị ký vào giấy vay nên chị có ký, thực chất chị ký là chứng kiến việc vay tiền giữa bà H và bà M. Quá trình vay tiền, bà H đã trả tiền cho vợ chồng bà M, ông T chưa thì chị không biết.

Giấy vay tiền ngày 03/02/2020 âm lịch chị không nhớ ai là người viết hoặc cũng có khả năng bà M bảo chị viết hộ. Còn chữ ký thì do chị ký vào giấy vay tiền. Việc vay nợ là giữa bà H và vợ chồng bà M, vợ chồng chị không liên quan. Hôm bà H đi vay, chỉ có chị và bà H; anh Đ không đi cùng và không biết việc vay nợ này.

Nay vợ chồng bà M, ông T khởi kiện vay nợ, yêu cầu bà H và vợ chồng chị phải trả nợ thì chị không chấp nhận. Bởi, vợ chồng chị không vay tiền của vợ chồng bà M, ông T. Việc vay nợ này chỉ của riêng bà H với vợ chồng bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Văn Đ. Tuy nhiên, anh Đ không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của anh Đ và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Lê Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho vợ chồng bà. Bà M chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị H và chị Trịnh Thị H1 phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cả gốc và lãi cho gia đình bà tính đến ngày xét xử 24/6/2025 là 545.840.000đ và tiền lãi kể từ sau phiên tòa xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ xong với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Bà H, anh Đ, chị H đều vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn bà H thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn chị H, anh Đ chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh Lê Văn Đ phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn T. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị H và chị Trịnh Thị H1 phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị M và ông Ngô Văn T số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 24/6/2025 là 545.840.000đ và tiền lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ với lãi suất là 1,5%/tháng. Về án phí: Đề nghị HĐXX thực hiện theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào ngày 03/02/2020 âm lịch (tức 25/02/2020 dương lịch), bà Phạm Thị H và vợ chồng chị Trịnh Thị H1, anh Lê Văn Đ có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị M với số tiền là 320.000.000đ, hiện nay không trả được. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn bà Phạm Thị H, chị Trịnh Thị H1, anh Lê Văn Đ đều có hộ khẩu thường trú ở Thôn D 2, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Văn Đ và chị Trịnh Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Việc khởi kiện của nguyên đơn đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về số tiền nợ gốc:

Vào ngày 03/02/2020 âm lịch, tức ngày 25/02/2020 dương lịch, vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn T cho bà Phạm Thị H, vợ chồng chị Trịnh Thị H1, anh Lê Văn Đ vay số tiền là 320.000.000đ. Khi vay, chị Trịnh Thị H1 là người viết giấy vay, bà H và chị H ký vào phần người vay; các bên có thỏa thuận về lãi xuất vay, thời gian trả tiền. Quá trình vay nợ, bà H là người đứng ra trả tiền lãi; tiền gốc vợ chồng bà M đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa trả được. Nay bà M yêu cầu bà H và chị H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà; bà H đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến vợ chồng chị H, anh Đ; chị H không đồng ý trả nợ bởi khoản nợ vay của vợ chồng bà M là khoản vay riêng của bà H, vợ chồng chị không liên quan.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 03/02/2020 âm lịch, tức ngày 25/02/2020 dương lịch, bà Phạm Thị H và chị Trịnh Thị H1 đến nhà vợ chồng bà M để vay tiền. Bà H thừa nhận có vay vợ chồng bà M số tiền 320.000.000đ; chị H chứng kiến bà H vay tiền của vợ chồng bà M. Điều này chứng tỏ có việc vay nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ, tại thời điểm khởi kiện vợ chồng bà M khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị H, anh Lê Văn Đ và chị Trịnh Thị H1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho vợ chồng bà M số tiền gốc là 320.000.000đ và lãi theo quy định. Bà M cho rằng, khi vay tiền chị H là người viết giấy vay, chị H và bà H đều ký vào giấy vay, anh Đ đi sau đến nhận tiền. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã được

Tòa án triệu tập nhiều lần làm việc nhưng không đến, bà H cho rằng khoản vay này của riêng bà, không liên quan đến vợ chồng anh Đ, chị H. Chị H không thừa nhận khoản vay vì đây là khoản vay riêng của bà H, bà H là người nhận tiền, chị có đi cùng bà H và chứng kiến việc bà H vay tiền của vợ chồng bà M, còn anh Đ không biết khoản vay này. Do anh Đ không ký vào giấy vay tiền, bà M không có chứng cứ xác thực việc anh Đ đến nhận tiền nên bà đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Đ phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà M. Nay bà M chỉ yêu cầu bà H và chị H là người ký vào giấy vay tiền phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho vợ chồng bà.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy vay tiền ngày 03/02/2020 âm lịch, bà H và chị H là người ký vào giấy vay, ở mục người vay, hơn nữa giấy vay tiền theo bà M và bà H thì chị H là người viết, còn chị H cho rằng chị không nhớ ai là người viết hoặc cũng có thể bà M nhờ chị viết và chị cũng không yêu cầu giám định chữ viết. Do đó, theo giấy vay tiền thì yêu cầu của bà M buộc bà H và chị H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho vợ chồng bà M số tiền gốc là 320.000.000đ là phù hợp.

2.2. *Về tiền lãi*: Khi vay tiền, hai bên đều thống nhất với nhau là vay có lãi và lãi xuất là 2%/tháng. Quá trình vay nợ, bà H là người trả tiền lãi, bà không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền, bao nhiêu tháng lãi vì bà không ghi sổ sách. Bà M trình bày bà H đã trả lãi được số tiền là 81.200.000đ và nay bà chỉ yêu cầu tính lãi với lãi xuất là 1,5%/tháng từ khi vay đến khi trả xong tiền nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi viết giấy vay tiền các bên không ghi rõ lãi xuất trong giấy vay mà chỉ thỏa thuận miệng lãi xuất là 02%/tháng. Nay bà M chỉ yêu cầu tính lãi với lãi xuất là 1,5%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể: Bà H và chị H phải trả tiền lãi cho vợ chồng bà M từ ngày 25/02/2020 đến ngày 24/6/2025 (là 63 tháng 29 ngày) là: $320.000.000đ \times 1,5\% / 1 \text{ tháng} \times 63 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 307.040.000đ$. Bà H đã trả tiền lãi được 81.200.000đ nên số tiền lãi còn lại phải trả là 225.840.000đ.

Vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi bà H và chị H phải trả cho vợ chồng bà M tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2025 là 545.840.000đ và tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo lãi xuất là 1,5%/tháng.

2.3. *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện*: Tại tòa, bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc anh Lê Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Phạm Thị H, chị Trịnh Thị H1 trả nợ cho vợ chồng bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của bà M là tự nguyện nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu buộc anh Lê Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Phạm Thị H, chị Trịnh Thị H1 trả nợ cho vợ chồng bà M.

2.3. *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H, chị H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 25.833.600đ, cụ thể

mỗi người phải chịu là 12.916.800đ. Bà H có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn án phí cho bà H là phù hợp.

Vợ chồng bà M, ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên không phải xử lý tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 2 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn T về việc buộc bị đơn anh Lê Văn Đ phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông bà.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và ông Ngô Văn T.

Buộc bà Phạm Thị H và chị Trịnh Thị H1 phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị M, ông Ngô Văn T tổng cộng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2025 là 545.840.000đ (*Năm trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà H và chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất 1,5%/tháng.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị H.

Chị Trịnh Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.916.800đ (*Mười hai triệu, chín trăm mười sáu nghìn, tám trăm đồng*).

3. *Về quyền kháng cáo bản án:* Bà M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H, chị H và anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Chiêu Phạm Viết Nguyên

Nguyễn Thị Hoa